

**DANH MỤC BỆNH, TÌNH TRẠNG BỆNH ĐƯỢC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
TỪ XA TẠI TRẠM Y TẾ XÃ QUẢNG ĐỨC**

STT	Bệnh, tình trạng bệnh	Chuyên khoa	Mã ICD-10
1.	Viêm mũi họng cấp tính	Tai mũi họng	J00
2.	Viêm mũi họng mạn tính		J31.1
3.	Đau vai gáy	Cơ xương khớp	M25.5
4.	Hội chứng cánh tay cổ		M53.1
5.	Đau thắt lưng		M54.5
6.	Viêm khớp dạng thấp		M05.0
7.	Thoái hóa khớp gối		M17
8.	Thoái hóa cột sống		M47
9.	Loãng xương (không gãy xương)		M81
10.	Tăng huyết áp	Tim mạch (nội khoa)	I10
11.	Đái tháo đường	Nội tiết	E10.9; E119; E12.9; E13.9; E14.9
12.	Rối loạn Lipid máu		E78
13.	Hen phế quản	Hô hấp (nội khoa)	J45
14.	Bệnh da nhiễm khuẩn	Da liễu	L01, L02, L66
15.	Bệnh da do nấm - ký sinh trùng		B86, B35, B36.0
16.	Bệnh da do vi rút		B01, B02
17.	Bệnh da dị ứng - miễn dịch và bệnh da viêm		L20, L23, L28.2 L50
18.	Đau nửa đầu	Thần kinh (nội khoa)	G43
19.	Đau đầu do căng thẳng		G44.2
20.	Rối loạn tiền đình		H81
21.	Nhiễm HIV/AIDS	Truyền nhiễm	B24
22.	Tái khám Bệnh lao		Z76.0 + A15-A19
23.	Sốt xuất huyết không có dấu hiệu cảnh báo		A97.0
24.	Cúm		J19; J10; J10.1
25.	COVID-19		U07.1
26.	Viêm dạ dày - tá tràng	Tiêu hóa	K29.-
27.	Táo bón		K59
28.	Trào ngược dạ dày - thực quản		K21.-
29.	Viêm kết mạc	Mắt	H10

STT	Bệnh, tình trạng bệnh	Chuyên khoa	Mã ICD-10
30.	Vật lý trị liệu	PHCN	Z50.1

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thái Hà